

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 488/2025/HC-PT
Ngày: 21 - 11 - 2025
V/v “kiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt;

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Thủy;
Ông Dương Tuấn Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn T - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 629/2025/TLPT-HC ngày 27 tháng 6 năm 2025, về “Kiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2025/HC-ST ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1977/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1. Ông Phạm Đức D, sinh năm 1964; địa chỉ: khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Bà Phạm Thị D1, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Lê Mã L, sinh năm 1977; địa chỉ: số F đường số I, khu phố B, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Đoàn Trí P - Luật sư Văn phòng L1, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Chủ tịch và Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương: Chủ tịch và Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch và Ủy ban nhân dân phường B: Bà Lê Minh P1 - Phó Chủ tịch và Ủy ban nhân dân phường B;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch và Ủy ban nhân dân phường B: Ông Lý Hoài P2 - Trưởng phòng Kinh tế, Hà tăng và Đô thị phường Bình Cơ

Địa chỉ: Đường ĐT 747, khu phố 2, phường Bình Cơ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh B;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H;

Địa chỉ: H L, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương: Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ: Đường Đ, khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1960;

3.3. Ông Phạm Văn H, sinh năm: 1971;

3.4. Bà Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm: 1989;

3.5. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1990;

3.6. Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1995;

3.7. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1971;

3.8. Ông Phạm Đức T1, sinh năm: 1995;

3.9. Bà Phạm Thị Lan H1, sinh năm: 1997.

Cùng địa chỉ: tổ B, khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông (bà) Nguyễn Thị Hồng Đ,

Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn V, Phạm Văn H, Nguyễn Thị G, Phạm Thị Lan H1 và Phạm Đức T1.

(Tại phiên tòa phúc thẩm có mặt: ông Lê Mã L, Luật sư Đoàn Trí P, bà Lê Minh P1 và ông Lý Hoài P2; Các đương sự khác vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cùng trình bày:

Thửa đất số 28 tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại xã (nay là phường) Hội Nghĩa, huyện T (nay là Thành Phố T), tỉnh Bình Dương được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00752 QSDĐ/TU ngày 31/01/2000 của hộ bà Phạm Thị D1 với diện tích 13.275m² và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại xã (nay là phường) Hội Nghĩa, huyện T (nay là thành Phố T), tỉnh Bình Dương được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00574 QSDĐ/TU ngày 16/05/2000 của hộ ông Phạm Đức D với diện tích 13.193m², cả hai thửa đất trên có tổng diện tích 26.468m².

Các thửa đất nêu trên do gia đình bà D1, ông D nhận chuyển nhượng của UBND xã H vào năm 1995, với giá mỗi thửa đất là 6.000.000 đồng có phiếu thu của UBND xã H, khi nhận chuyển nhượng hai bên có lập giấy tay. Theo chính sách của Nhà nước trong những năm 2000 các hộ gia đình kê khai và nộp hồ sơ danh sách đăng ký quyền sử dụng đất cho UBND xã H để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Gia đình bà D1, ông D lập thủ tục, nộp toàn bộ bản chính các giấy tờ liên quan gồm giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất, biên lai thu tiền, biên lai đóng thuế cho nhà nước để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND xã H xác nhận theo đúng trình tự thủ tục chuyển cơ quan có thẩm quyền, UBND huyện T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00752 QSDĐ/TU ngày 31/01/2000 cho hộ bà Phạm Thị D1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00574 QSDĐ/TU ngày 16/05/2000 cho hộ ông Phạm Đức D. Bà D1, ông D đóng thuế và sử dụng ổn định, không có ai tranh chấp khiếu nại gì.

Ngày 24/3/2014, UBND huyện (nay là thành phố) Tân Uyên ban hành Quyết định số 2486/QĐ-UBND thu hồi đất và 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà D1, ông D với lý do thực hiện Văn bản số 240/UBND-KTN của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh B về xử lý sai phạm đất đai tại xã H. Sau đó UBND xã H đã Báo cáo số 76/UBND-KT ngày 04/6/2013 nguồn gốc đất của bà D1, ông D là đất công ích do xã Hội N quản lý. Xét thấy, việc thu hồi đất của gia đình bà D1, ông D không đúng với quy định của pháp luật, nên bà D1, ông D đã khiếu nại quyết định trên nhiều năm liền từ năm 2014 đến nay chưa được giải quyết dứt điểm làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà D1, ông D. Từ năm 1995 đến nay hai thửa đất nêu trên gia đình bà D1, ông D vẫn canh tác trồng cây cao su và sử dụng ổn định không ai tranh chấp.

Ngày 08/02/2023, Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 216/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định 426/QĐ-UBND ngày 25/02/2016 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh B tại khoản 2 Điều 1 “ *Giao Chủ tịch Ủy ban thị xã T sửa đổi điều 2 quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND huyện T như sau: UBND Xã Hội Nghĩa lập thủ tục bổ sung khu đất trên vào quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích và thiết lập quản lý theo quy định tại điều 132 Luật đất đai năm 2013. Trường hợp hộ ông Phạm Đức D và Hộ bà Phạm Thị D1 có nhu cầu sản xuất nông nghiệp trên khu đất thì phải thực hiện cho thuê đất thông qua đấu giá, thời hạn mỗi lần thuê không quá 05 năm theo quy định của pháp luật*”. Việc ban hành các quyết định trên của Chủ tịch UBND tỉnh B và UBND huyện T là chưa xem xét đến nguồn gốc sử dụng, chính sách pháp luật về quyền tài sản và quyền sử dụng đất đối với người đang trực tiếp sử dụng đất liên tục, ổn định lâu dài làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà D1, ông D.

Do đó, bà D1, ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết những vấn đề sau:

- Hủy Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND huyện (nay là thành phố) Tân Uyên về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00752 QSDĐ/TU ngày 31/01/2000 cho hộ bà Phạm Thị D1 và số 00574 QSDĐ/TU ngày 06/5/2000 cho ông Phạm Văn D2 (Phạm Đức D) giao UBND xã H quản lý và lập thủ tục thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dưới hình thức thuê đất cho hộ bà D1, ông D.

- Hủy Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của Chủ tịch UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Đức D và Phạm Thị D1 (lần đầu).

- Hủy Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 25/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết đơn của ông Phạm Đức D và Phạm Thị D1 khiếu nại Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của Chủ tịch UBND thị xã T (lần hai).

- Hủy Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 08/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc điều chỉnh Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 25/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Đức D và Phạm Thị D1.

- Hủy Quyết định 1528/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của U (nay là thành phố) Tân Uyên về việc sửa đổi Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/03/2014 của UBND huyện T (nay là UBND thị xã T).

- Hủy một phần Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên về việc phê duyệt danh mục quỹ đất do nhà nước quản lý trên địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương đối với thửa đất số 27, 28, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Hủy Quyết định số 5403/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND thành phố T về việc đính chính Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/03/2014 của UBND huyện T và Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của UBND thị xã T (nay là thành phố).

** Tại Văn bản số 470/UBND-NC ngày 29/01/2024; Văn bản số 2793/UBND-NC ngày 12/6/2024 và Công văn số 4426/UBND-NC ngày 05/9/2024, người bị kiện Chủ tịch UBND và UBND thành phố T trình bày:*

1. Về việc UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên ban hành Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 sửa đổi Quyết định số 2486/QĐ-UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên

Căn cứ Kết luận thanh tra số 166/KL-UBND ngày 19/08/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về công tác quản lý, sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý của UBND xã Hội Nghĩa, thị xã T và việc triển khai thực hiện Quyết định số 1106/QĐ-CT ngày 23/01/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh (tiếp tục tổ chức thực hiện việc thu hồi khu đất 26.468m² và thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00752 QSDĐ/TU ngày 31/01/2000 của bà Phạm Thị D1, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00574 QSDĐ/TU ngày 06/5/2000 của ông Phạm Văn D2; thiết lập quản lý quỹ đất công theo quy định pháp luật).

Căn cứ Công văn số 6177/UBND-KT ngày 23/11/2022 của UBND tỉnh B về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện Kết luận Thanh tra số 166/KL- UBND ngày 19/08/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (khẩn trương thu hồi khu đất 26.468m² mà trước đây đã cấp cho hộ ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1 sử dụng, thiết lập quản lý quỹ đất công theo quy định pháp luật; trường hợp 02 hộ ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1 không chấp hành thì củng cố hồ sơ tiến hành cưỡng chế thu hồi đất).

Căn cứ Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 08/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc điều chỉnh Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 25/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1. Trong đó, tại khoản 1 Điều 1 có nội dung:

“1. Điều chỉnh khoản 2 Điều 1 Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 25/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần hai) của ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1 như sau:

Giao Chủ tịch UBND thị xã T sửa đổi Điều 2 Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND huyện T như sau; UBND phường H lập thủ tục bổ sung khu đất trên vào quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích và thiết lập quản lý theo quy định tại Điều 132 Luật Đất đai năm 2013. Trường hợp hộ ông Phạm Đức D và hộ bà Phạm Thị D1 có nhu cầu sản xuất nông nghiệp trên khu đất thì phải thực hiện cho thuê đất thông qua hình thức đấu giá, thời hạn mỗi lần thuê không quá 05 năm theo đúng quy định pháp luật.

Lý do điều chỉnh: Khu đất phải thu hồi là đất công, trường hợp cho thuê và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải thực hiện theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất”

Ngày 05/4/2023, UBND thị xã T ban hành Quyết định số 1528/QĐ-UBND về việc sửa đổi Quyết định số 2486/QĐ-UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên; Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND thị xã T ban hành là phù hợp quy định pháp luật.

2. Về việc UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên ban hành Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 để thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00752QSDĐ/TU ngày 06/5/2000 cho ông Phạm Văn D2 (Phạm Đức D) giao cho UBND xã H quản lý và lập thủ tục thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dưới hình thức thuê đất cho hộ bà D1, ông D.

Căn cứ Thông báo số 107-TB/HU ngày 22/10/2007 của huyện ủy T4 về việc xử lý và khắc phục hậu quả các vi phạm của cấp ủy và cá nhân đảng viên vi phạm ở Đảng bộ xã Hội N; cụ thể như sau:

“3.2) UBND huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và UBND xã H thực hiện các nội dung sau theo quy định pháp luật:

.....

3.2.3) Chủ tịch UBND xã:

a) Phối hợp Thanh tra nhà nước Huyện, Phòng T5 huyện tổ chức thực hiện việc:

Thu hồi đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 2 hộ Phạm Văn D2 và Phạm Thị D1 có nguồn gốc đất công cho thuê;....”

Căn cứ Công văn số 240/UBND-KTN ngày 28/01/2013 của UBND tỉnh B về việc quản lý và sử dụng đất của UBND xã H. Nội dung công văn yêu cầu, như sau:

“- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện T và Ủy ban nhân dân xã giải quyết dứt điểm việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ trên khu đất 6.500m² mà Ủy ban nhân dân tỉnh G cho Ủy ban nhân dân huyện Q và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 26.468m² cho 02 hộ Phạm Văn D2 và Phạm Thị D1...”.

Thực hiện nội dung ý kiến Kết luận của ông Đoàn Hồng T2 - Phó Chủ tịch UBND huyện tại Thông báo số 157/TB-UBND ngày 14/02/2014, ngày 07/3/2014, phòng T5 có Tờ trình số 650/TTr-PTN&MT kiến nghị UBND huyện thu hồi đất và 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên; ngày 24/3/2014, UBND huyện ban hành Quyết định số 2486/QĐ-UBND thu hồi đất và 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Như vậy, việc UBND huyện ban hành Quyết định số 2486/QĐ-UBND thu hồi đất và 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là phù hợp quy định pháp luật.

3. Về việc UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên ban hành Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 để giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1 (lần đầu).

Ngày 28/01/2013, UBND tỉnh B ban hành Văn bản số 240/UBND-KTN về việc quản lý, sử dụng đất của UBND xã H. Nội dung văn bản, UBND tỉnh yêu cầu UBND huyện T (nay là thị xã T) phối hợp UBND xã Hội nghĩa giải quyết dứt điểm những sai phạm trên.

Ngày 04/6/2013, UBND xã H ban hành Văn bản số 76/UBND- KT về kết quả thực hiện Văn bản số 240/UBND-KTN ngày 28/01/2013 của UBND tỉnh. Nội dung văn bản kiến nghị UBND huyện thu hồi 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên vì thực tế khu đất có nguồn gốc là đất công ích do UBND xã H quản lý nhưng do sai sót trong quá trình quản lý đã trình cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên (sai sót này đã được xử lý tại vụ việc riêng theo Thông báo số 107-TB/HU ngày 22/10/2007 của huyện ủy T4 về việc xử lý và khắc phục hậu quả các vi phạm của cấp ủy và cá nhân đảng viên vi phạm ở Đảng bộ xã Hội N).

Ngày 13/6/2013, UBND huyện có Phiếu chuyển số 1977/PC-UBND, giao phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp các ngành có liên quan và UBND xã H kiểm tra, tham mưu UBND huyện giải quyết vụ việc nêu trên.

Ngày 03/01/2014, Phòng T5 có Báo cáo số 05/BC-PTN&MT về kết quả thực hiện phiếu chuyển số 1977 nêu trên. Nội dung báo cáo, kiến nghị UBND huyện thu hồi khu đất có diện tích 26.468m² có nguồn gốc là đất công nhưng đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phạm Văn D2 (Phạm Đức D) và hộ bà Phạm Thị D1; đồng thời, lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho 02 hộ trên dưới hình thức Nhà nước cho thuê quyền sử dụng đất.

Ngày 14/02/2014, UBND huyện ban hành Thông báo số 157/TB-UBND về nội dung ý kiến Kết luận của ông Đoàn Hồng T2 - Phó Chủ tịch UBND huyện giải quyết liên quan vụ việc nêu trên. Nội dung Thông báo giao phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND huyện thu hồi khu đất có diện tích 26.468m² có nguồn gốc là đất công nhưng đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phạm Văn D2 (Phạm Đức D) và hộ bà Phạm Thị D1; đồng thời, lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho 02 hộ trên dưới hình thức Nhà nước cho thuê quyền sử dụng đất.

Ngày 07/3/2014, Phòng T5 có Tờ trình số 650/TTr-PTN&MT kiến nghị UBND huyện thu hồi đất và 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Ngày 24/3/2014, UBND huyện ban hành Quyết định số 2486/QĐ-UBND thu hồi đất và 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Không đồng ý nội dung quyết định số 2486 nêu trên, ông D và bà D1 có đơn khiếu nại quyết định đến Chủ tịch UBND thị xã T.

Ngày 12/9/2014, Chủ tịch UBND thị xã có Giấy ủy quyền số 1913/GUQ-UBND ủy quyền ông Võ Hồng T3 - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường gặp gỡ, đối thoại giải quyết đơn khiếu nại của ông D và bà D1.

Ngày 12/11/2014, thay mặt Chủ tịch UBND thị xã, ông Võ Hồng T3 Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường gặp gỡ đối thoại giải quyết đơn khiếu nại của ông D và bà D1. Tại buổi đối thoại, ông D và bà D1 không cung cấp được chứng cứ mới, chỉ trình bày khu đất do nhận chuyển nhượng từ UBND xã H hóa giá.

Như vậy, việc UBND huyện ban hành Quyết định số 2486/QĐ-UBND thu hồi đất và 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là phù hợp quy định pháp luật.

Từ nội dung trên, căn cứ quy định Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011 về thẩm quyền giải quyết khiếu nại, Chủ tịch UBND thị xã ban hành Quyết định 802/QĐ-UBND ngày 13/02/2015: Giữ nguyên Quyết định hành chính số 2486/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND huyện T (nay là thị xã) là phù hợp quy định pháp luật.

4. Về ý kiến đối với các yêu cầu của người khởi kiện (theo Thông báo số 02/2024/TLST-HC ngày 04/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương).

Xét thấy, việc ban hành Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 007520QSDĐ/TU ngày 06/5/2000 cho ông Phạm Văn D2 (Phạm Đức D) giao cho U1 lý và lập thủ tục thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dưới hình thức thuê đất cho hộ bà D1, ông D Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của Chủ tịch UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương, về việc giải quyết đơn khiếu nại của Ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1 (lần đầu) và Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên về việc sửa đổi Quyết định số 2486/QĐ-UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên là phù hợp quy định pháp luật. Do đó, UBND thành phố đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

5. Về việc UBND thị xã (nay là thành phố) ban hành Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 về việc phê duyệt danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn thị xã T.

5.1. Về cơ sở pháp lý ban hành Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021.

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 5 của Quy định về quản lý và sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của UBND tỉnh B, có nêu: “4. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm ban hành quyết định phê duyệt danh mục quỹ đất công cho Ủy ban nhân dân cấp xã để quản lý, sử dụng và gửi về Sở T6 để theo dõi quản lý. Đồng thời, liên hệ Sở T6 để lập thủ tục giao đất và

cấp giấy chứng nhận đối với tất cả các khu đất hiện đang quản lý, sử dụng (kể cả đất công ích).”

Theo đó, UBND thị xã T đã ban hành Quyết định số 2159/QĐ- UBND ngày 19/7/2021 về việc phê duyệt danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn thị xã T.

5.2. Về quá trình ban hành Quyết định số 2159/QĐ-UBND

Ngày 12/01/2021, UBND thị xã ban hành Thông báo số 16/TB-UBND về ý kiến kết luận của ông Đoàn Hồng T2 – Chủ tịch UBND thị xã tại cuộc họp nghe báo cáo tình hình rà soát quỹ đất công, đất công ích; giải quyết khó khăn, vướng mắc trong việc đo đạc, chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trích lục chuyển quyền sử dụng đất đối với các trường hợp giấy chứng nhận không tiếp giáp đường nhưng hiện trạng có tiếp giáp đường. Trong đó, có nội dung: *“Yêu cầu Chủ tịch UBND các xã – phường tập trung chỉ đạo rà soát kỹ quỹ đất công, đất công ích trên địa bàn quản lý (bao gồm đất thuộc diện 188)”*. Căn cứ Thông báo nêu trên, UBND các xã - phường đã có báo cáo tình hình quản lý quỹ đất công, đất công ích gửi về UBND thị xã T.

Ngày 07/4/2021, UBND thị xã T ban hành Thông báo số 160/TB-UBND về ý kiến kết luận của ông Đoàn Hồng T2 – Chủ tịch UBND thị xã tại cuộc họp nghe báo cáo kết quả rà soát quỹ đất công, đất công ích. Trong đó, có nội dung: *“Yêu cầu UBND các xã – địa phương rà soát lại lần cuối danh sách, diện tích đất công, đất công ích đang quản lý. Trường hợp thống nhất với số liệu tại Báo cáo số 87/BC-PTNMT ngày 26/3/2021 thì thông báo cho Phòng T5 được biết; nếu có thay đổi thông tin thì tổng hợp số liệu gửi lại Phòng T5...”*.

Ngày 16/6/2021, UBND thị xã tiếp tục ban hành Thông báo số 408/TB-UBND về ý kiến kết luận của ông Đoàn Hồng T2 – Chủ tịch UBND thị xã tại cuộc họp nghe báo cáo kết quả thực hiện các ý kiến chỉ đạo của UBND thị xã; thông qua dự thảo kế hoạch giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý công trên địa bàn thị xã, trong đó có nội dung: *“c. Giao Phòng Tài nguyên – Môi trường tiếp tục phối hợp Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã và UBND các xã – phường tham mưu UBND thị xã báo cáo Ban Thường vụ Thị ủy về công tác quản lý đất công, đất công ích trên địa bàn thị xã. Sau khi Ban Thường vụ thông qua, yêu cầu Phòng T5 tham mưu UBND thị xã ban hành quyết định công nhận quỹ đất công, đất công ích trên địa bàn và tham mưu UBND thị xã văn bản kiến nghị UBND tỉnh điều chỉnh Quyết định 691/QĐ-UBND ngày 19/3/2018.”*

Ngày 02/7/2022, thị ủy (nay là thành ủy) Tân Uyên đã ban hành Chỉ thị số 16-CT/TU về tăng cường công tác quản lý và sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn thị xã.

Trên cơ sở báo cáo rà soát, bổ sung của UBND các xã - phường và đổi chiếu quy định tại khoản 4 Điều 5 của quy định về quản lý và sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết

định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của UBND tỉnh B về ban hành quy định về quản lý và sử dụng đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương, có nêu: “UBND cấp huyện có trách nhiệm ban hành quyết định phê duyệt danh mục quỹ đất công cho UBND cấp xã để quản lý, sử dụng và gửi về Sở T6 để theo dõi quản lý...”, ngày 30/6/2021 Phòng T5 đã có Tờ trình số 310/TTr-PTNMT trình UBND thị xã ban hành quyết định về việc phê duyệt danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương. Theo đó, ngày 19/7/2021, UBND thị xã T đã ban hành Quyết định số 2159/QĐ-UBND về việc phê duyệt danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn thị xã T tỉnh Bình Dương.

Từ các nội dung nêu trên, nhận thấy việc UBND thành phố T ban hành Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 về việc phê duyệt danh mục quỹ đã do Nhà nước quản lý trên địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương là đảm bảo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Quy định về quản lý và sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của UBND tỉnh B.

5.3. Về ý kiến đối với các yêu cầu của người khởi kiện.

Đối với yêu cầu của người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, gồm: Hủy một phần Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND thị xã T về việc phê duyệt danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn thị xã T, cụ thể hủy đối với thửa đất số 27, 28, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Xét thấy, Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND thị xã T ban hành phù hợp quy định pháp luật. Do đó, UBND thành phố đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

6. Qua rà soát hồ sơ và Báo cáo số 591/BC-PTNMT ngày 30/8/2024 của phòng T5, UBND thành phố có ý kiến, như sau:

Ngày 24/3/2014, UBND huyện T ban hành Quyết định số 2486/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00752 QSDĐ/TU ngày 13/01/2000 cấp cho hộ bà Phạm Thị D1 và số 00574 QSDĐ/TU ngày 06/05/2000 cấp cho hộ ông Phạm Văn D2 (Phạm Đức D), giao UBND xã (nay là phường) Hội Nghĩa quản lý và lập thủ tục thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dưới hình thức thuê đất cho hộ bà D1, ông D.

Ngày 05/4/2023, UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên đã ban hành Quyết định số 1528/QĐ-UBND về việc sửa đổi Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND huyện T.

Qua rà soát, đối chiếu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00574 QSDĐ/TU do UBND huyện T cấp ngày 16/5/2000 cho hộ ông Phạm Văn D2 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00752 QSDĐ/TU do UBND huyện T cấp ngày 31/01/2000 cho hộ bà Phạm Thị D1, nhận thấy: (1) Tại phần trích yếu của Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND huyện T đã có

sai sót (ghi sai ngày) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phạm Văn D2 (Phạm Đức D) là ngày 06/5/2000, chính xác là ngày 16/5/2000; (2) Tại Điều 1 của Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của UBND thị xã T đã có sai sót (ghi sai ngày) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phạm Văn D2 (Phạm Đức D) là ngày 06/5/2000, chính xác là ngày 16/5/2000 và (ghi sai ngày) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Phạm Thị D1 là ngày 13/01/2000, chính xác là ngày 31/01/2000. Nguyên nhân là có sai sót trong quá trình soạn thảo văn bản đã dẫn đến các sai sót đã nêu trên.

Ngày 03/3/2024, Phòng T5 đã có Tờ trình số 903/TTr-PTNMT trình UBND thành phố T ban hành Quyết định đính chính Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND huyện T và Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của UBND thị xã T (nay là thành phố T).

Theo đó ngày 31/7/2024, UBND thành phố T đã ban hành Quyết định số 5403/QĐ-UBND về việc đính chính Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND huyện (nay là thành phố) Tân Uyên và Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên. Các nội dung khác không đính chính tại Quyết định số 5403/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/03/2014 của UBND huyện T (nay là thành phố) và Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của UBND thị xã T (nay là thành phố T).

** Tại Văn bản số 794/UBND-NC ngày 28/02/2024, người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh B trình bày:*

I. Việc Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 25/02/2016 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1 (lần hai).

1. Nội dung khiếu nại

Theo Đơn ngày 20/4/2015, ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1 khiếu nại Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của Chủ tịch UBND thị xã T và yêu cầu giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00752QSDĐ/TU ngày 31/01/2000 do UBND huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp cho bà Phạm Thị D1, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00574QSDĐ/TU ngày 16/5/2000 do UBND huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp cho ông Phạm Văn D2 (ông Phạm Đức D).

2. Kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu

Ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1 khiếu nại Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND huyện (nay là thành phố) Tân Uyên về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00752QSDĐ/TU ngày 31/01/2000 do UBND huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp cho bà Phạm Thị D1, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00574QSDĐ/TU ngày 16/5/2000 do UBND huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp cho ông Phạm Văn D2 (ông Phạm Đức D).

Ngày 13/02/2015, Chủ tịch UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên ban hành Quyết định số 802/QĐ-UBND giải quyết bác đơn khiếu nại của ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1.

Không đồng ý với kết quả giải quyết trên, ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1 khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Kết quả xác minh nội dung khiếu nại

3.1. Về nguồn gốc đất

- Theo Biên bản làm việc ngày 01/7/2015, ngày 15/7/2015, ngày 28/7/2015 của Thanh tra Sở T6, ông Phạm Đức D, bà Phạm Thị D1 và đại diện UBND xã H trình bày như sau:

+ Đại diện UBND xã H trình bày: Diện tích đất thuộc thửa số 27, thửa số 28, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã Hội Nghĩa, thị xã T nằm trong phần đất có diện tích khoảng 25ha có nguồn gốc của Công ty C giao lại cho UBND xã Hội Nghĩa quản lý, sử dụng vào khoảng năm 1988 (do sử dụng không hiệu quả), hiện trạng đất trống.

+ Ông Phạm Đức D, bà Phạm Thị D1 trình bày: Diện tích đất thuộc thửa số 27, thửa số 28 do nhận chuyển nhượng từ UBND xã H vào năm 1995, mỗi hộ nộp 6.000.000 đồng cho UBND xã H. Tuy nhiên, ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1 không cung cấp được giấy tờ chứng minh cho việc chuyển nhượng, hiện trạng đất lúc chuyển nhượng là đất hoang.

+ Ông Nguyễn Xuân V1 - nguyên Trưởng Ban T7 giai đoạn năm 1995 - 2004, cho biết: Ông Nguyễn Xuân V1 có nhận 9.000.000 đồng do ông Phan Long N1 (Chủ tịch UBND xã H) đưa vào năm 1995 là thu tiền thuê đất đối với diện tích đất do ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1 đang sử dụng (kèm Biên lai thu tiền tháng 12/1996, người nộp tiền là ông Phạm Đức O “cha ông Phạm Đức D”, lý do nộp: Tiền thuê đất nông nghiệp, số tiền 4.500.000 đồng và Biên lai thu tiền ngày 15/4/1996, người nộp Nguyễn Văn B “chồng của bà Phạm Thị D1”, lý do nộp: Tiền thuê đất, số tiền: 4.500.000 đồng).

- Phần diện tích đất 13.275m² thuộc thửa số 28, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã Hội Nghĩa, thị xã T, đã được UBND huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00752 QSDĐ/TU ngày 31/01/2000 cho bà Phạm Thị D1.

- Phần diện tích đất 13.193m² thuộc thửa số 27, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã Hội Nghĩa, thị xã T, đã được UBND huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00574 QSDĐ/TU ngày 16/5/2000 cho ông Phạm Đức D.

3.2. Quá trình sử dụng

- Sau khi Công ty C bàn giao đất vào năm 1988, UBND xã Hội nghĩa giao cho Trung tâm phục hồi chức năng trẻ em mồ côi tàn tật quản lý, sử dụng khoảng 15ha (hiện nay UBND tỉnh đã thu hồi giao cho Trung tâm Phát triển quỹ

đất thị xã T quản lý); phần diện tích đất còn lại khoảng 10ha, UBND xã H phân phối cho một số cán bộ huyện T canh tác sử dụng khoảng 7,4ha, giao Hội Cựu chiến binh xã Hội Nghĩa quản lý, sử dụng diện tích khoảng 2,6ha để trồng cây điều khoảng 02 năm. Do sử dụng không hiệu quả, UBND xã Hội Nghĩa thống nhất lấy lại phần diện tích đất đã giao cho H2 Cựu chiến binh xã Hội Nghĩa và cho hộ ông Phạm Đức D và hộ bà Phạm Thị D1 thuê sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

- Từ năm 1995, ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1 trồng cây cao su cho đến nay. Theo Biên bản kiểm tra hiện trạng đất ngày 04/8/2015 của Thanh tra Sở T6 ghi nhận:

+ Diện tích đất 13.193m², có khoảng 500 cây cao su do ông Phạm Đức D sử dụng.

+ Diện tích đất 13.275m², có khoảng 630 cây cao su do bà Phạm Thị D1 sử dụng (cây cao su trồng lại từ năm 2014).

3.3. Việc kê khai, đăng ký đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Ông Phạm Văn D2 có đơn đề ngày 03/4/1998 xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với các thửa đất: Thửa số 77, tờ bản đồ số 11; thửa số 27, tờ bản đồ số 15; thửa số 22, tờ bản đồ số 18 và được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00574 QSDĐ/TU ngày 16/5/2000, diện tích 23.497m² (trong đó có thửa số 27, tờ bản đồ số 15, diện tích 13.193m² do UBND xã H cho thuê).

- Bà Phạm Thị D1 có đơn đề ngày 02/4/1998 xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với các thửa đất: Thửa số 79, tờ bản đồ số 11; thửa số 28, tờ bản đồ số 15; thửa số 21, tờ bản đồ số 18; thửa số 38, tờ bản đồ số 12 và được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00752 QSDĐ/TU ngày 31/01/2000, diện tích 35.106m² (trong đó có thửa số 28, tờ bản đồ số 15, diện tích 13.275m² do UBND xã H cho thuê).

3.4. Việc kiểm tra vi phạm đất đai của xã Hội N, thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông phạm Đức D và bà Phạm Thị D1.

- Ngày 22/10/2007, huyện ủy T4 ban hành Thông báo số 107- TB/HU về việc thông báo ý kiến kết luận và chỉ đạo của Ban Thường vụ huyện ủy về xử lý và khắc phục hậu quả các vi phạm của cấp ủy và cá nhân đảng viên vi phạm ở Đảng bộ xã Hội Nghĩa, có nêu: UBND huyện chỉ đạo cơ quan chuyên môn và UBND xã H, thu hồi đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 02 hộ Phạm Văn D2 (Phạm Đức D) và Phạm Thị D1 có nguồn gốc đất công cho thuê; đồng thời cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho 02 hộ này dưới dạng giao đất cho thuê.

- Ngày 28/01/2013, UBND tỉnh ban hành Văn bản số 240/UBND-KTN về việc quản lý, sử dụng đất của UBND xã H, theo đó yêu cầu UBND huyện T và UBND xã H giải quyết dứt điểm việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 26.468m² cho 02 hộ dân Phạm Văn D2 (Phạm Đức D) và Phạm Thị D1.

- Ngày 24/3/2014, UBND huyện T ban hành Quyết định số 2486/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00752 QSDĐ/TU ngày 31/01/2000 cấp cho hộ bà Phạm Thị D1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00574 QSDĐ/TU ngày 16/5/2000 cấp cho hộ ông Phạm Văn D2 (Phạm Đức D), giao UBND xã H quản lý và lập thủ tục thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dưới hình thức thuê đất cho hộ ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1.

4. Kết quả đối thoại

Ngày 12/10/2015, Thanh tra Sở T6 tổ chức đối thoại với ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1. Tại buổi đối thoại, các ngành chức năng đã giải thích nguyên nhân thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1; tuy nhiên, ông Phạm Đức D, bà Phạm Thị D1 vẫn cho rằng vào năm 1995 có nhận chuyển nhượng đất từ UBND xã H đối với diện tích đất mà ông, bà đang quản lý, sử dụng, nhưng ông Phạm Đức D, bà Phạm Thị D1 không cung cấp được giấy tờ chứng minh cho việc nhận chuyển nhượng đất và cũng không cung cấp được tình tiết mới làm thay đổi Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của Chủ tịch UBND thị xã T.

5. Nhận xét

Việc ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1 khiếu nại đối với Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của Chủ tịch UBND thị xã T và yêu cầu giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00752 QSDĐ/TU ngày 31/01/2000 do UBND huyện T cấp cho bà Phạm Thị D1, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00574 QSDĐ/TU ngày 16/5/2000 do UBND huyện T cấp cho ông Phạm Văn D3 (ông Phạm Đức D), là không có cơ sở xem xét, giải quyết, bởi vì:

- Diện tích đất 13.193m² thuộc thửa số 27, tờ bản đồ 15 hiện do ông Phạm Đức D quản lý, sử dụng và diện tích đất 13.275m² thuộc thửa số 28, tờ bản đồ số 15 do bà Phạm Thị D1 quản lý, sử dụng, có nguồn gốc đất do Công ty C giao lại cho UBND xã Hội Nghĩa quản lý, sử dụng vào năm 1988.

- Phần diện tích đất thuộc thửa số 27 và thửa đất số 28, tờ bản đồ số 15 do UBND xã H cho ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1 thuê sản xuất nông nghiệp, mặc dù không có hợp đồng thuê đất nhưng ông Phạm Đức D, bà Phạm Thị D1 có nộp tiền thuê đất cho UBND xã H với số tiền thuê đất nông nghiệp của mỗi người là 4.500.000 đồng (theo Biên lai thu tiền thuê đất nông nghiệp năm 1996 của UBND xã H). Trong quá trình kê khai, đăng ký, ông Phạm Đức D, bà Phạm Thị D1 kê khai, đăng ký luôn cả phần đất thuê (thửa số 27, 28, tờ bản đồ số 15) để được xét duyệt và được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 15 quy định ban hành kèm theo Nghị định số 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Do đó, việc UBND thị xã T ban hành Quyết định số 2486/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất đã cấp cho ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1, là phù hợp quy định của pháp luật.

Qua kết quả xác minh như trên, ngày 25/02/2016 Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 426/QĐ-UBND giải quyết đơn bác đơn khiếu nại của ông Phạm Đức D, bà Phạm Thị D1.

II. Việc Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 08/02/2023 về việc điều chỉnh Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 25/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Ngày 18/3/2019, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 571/QĐ-UBND thành lập Đoàn Thanh tra công tác quản lý, sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý của UBND xã Hội Nghĩa, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên và việc triển khai thực hiện Quyết định số 1106/QĐ-CT ngày 23/01/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Qua kết quả thanh tra, UBND tỉnh ban hành Kết luận Thanh tra số 166/KL- UBND ngày 19/8/2019 về công tác quản lý, sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý của UBND xã Hội Nghĩa, thị xã T và việc triển khai thực hiện Quyết định số 1106/QĐ-CT ngày 23/01/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh. Theo đó, UBND tỉnh kết luận và chỉ đạo: Điều chỉnh khoản 2 Điều 1 Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 25/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh (về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông D và bà D1) theo hướng giao UBND thị xã T sửa đổi Điều 2 Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND huyện T như sau: “UBND xã Hội N lập thủ tục bổ sung khu đất trên vào quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích và thiết lập quản lý theo quy định tại Điều 132 Luật Đất đai năm 2013. Trường hợp hộ ông Phạm Đức D và hộ bà Phạm Thị D1 có nhu cầu sản xuất nông nghiệp trên khu đất thì phải thực hiện cho thuê đất thông qua hình thức đấu giá, thời hạn mỗi lần thuê không quá 05 năm”.

Thực hiện kết luận trên, ngày 08/02/2023, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 216/QĐ-UBND điều chỉnh Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 25/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh, theo đó điều chỉnh khoản 2 Điều 1 Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 25/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần hai) của ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1 như sau: “Giao Chủ tịch UBND thị xã T sửa đổi Điều 2 Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND huyện T như sau: UBND xã Hội Nghĩa lập thủ tục bổ sung khu đất trên vào quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích và thiết lập quản lý theo quy định tại Điều 132 Luật Đất đai năm 2013. Trường hợp hộ ông Phạm Đức D và hộ bà Phạm Thị D1 có nhu cầu sản xuất nông nghiệp trên khu đất thì phải thực hiện cho thuê đất thông qua hình thức đấu giá, thời hạn mỗi lần thuê không quá 05 năm theo đúng quy định pháp luật”.

III. Kết luận

Từ những nội dung nêu trên, việc Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 25/02/2016 về việc giải quyết đơn của ông Phạm

Đức D, bà Phạm Thị D1 và Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 08/02/2023 về việc điều chỉnh Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 25/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh B, là đúng quy định pháp luật.

Đến nay, Chủ tịch UBND tỉnh B vẫn giữ nguyên quan điểm giải quyết tại Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 25/02/2016 về việc giải quyết đơn của ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1 và Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 08/02/2023 về việc điều chỉnh Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 25/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh B. Đồng thời, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tuyên xử: Bác đơn khởi kiện của ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1; công nhận Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 25/02/2016 và Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 08/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B là đúng quy định của pháp luật.

** Tại Văn bản số 332/UBND-NC ngày 20/3/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường H trình bày:*

- Về nguồn gốc thửa đất số 27, 28 tờ bản đồ số 15:

Thửa đất số 27, 28 tờ bản đồ số 15 có diện tích 26.468m² có nguồn gốc của Công ty C giao lại cho UBND xã Hội Nghĩa quản lý, sử dụng vào năm 1988. Thời điểm này, UBND xã H giao cho Hội C1 quản lý, sử dụng để trồng cây điều khoảng 02 năm. Do sử dụng không hiệu quả, UBND xã thống nhất lấy lại phần đất trên và giao cho hộ ông Phạm Đức D và hộ bà Phạm Thị D1 thuê sử dụng để sản xuất nông nghiệp. Theo hồ sơ lưu, mặc dù không có hợp đồng thuê đất nhưng có Biên lai thu tiền vào tháng 12/1996, người nộp tiền là ông Phạm Đức O (là cha ruột của ông Phạm Đức D), lý do nộp: Tiền thuê đất nông nghiệp với số tiền 4.500.000 đồng và Biên lai thu tiền vào tháng 4/1996, người nộp tiền là ông Nguyễn Văn B (là chồng của bà Phạm Thị D1), lý do nộp: Tiền thuê đất với số tiền 4.500.000 đồng.

Căn cứ theo hồ sơ địa chính, ngày 03/04/1998 ông Phạm Văn D2 có đơn đăng ký quyền sử dụng đất gửi UBND xã Hội Nghĩa đối với các thửa đất: thửa 77 tờ bản đồ số 11; thửa 27 tờ bản đồ số 15; thửa 22 tờ bản đồ số 18 và được xác nhận ngày 17/2/2000. Đến năm 2000, hộ ông Phạm Văn D2 được UBND huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00574 QSDĐ/TU ngày 16/5/2000, trong đó có thửa đất số 27 tờ bản đồ số 15, diện tích: 13.193m² đất Cây lâu năm (CLN) do UBND xã H cho thuê. Ngày 19/10/2005, Phòng T5 điều chỉnh lại thông tin về chủ sử dụng đất là: Phạm Đức D.

Ngày 02/4/1998, bà Phạm Thị D1 có đơn đăng ký quyền sử dụng đất gửi UBND xã Hội Nghĩa đối với các thửa đất: thửa 79 tờ bản đồ số 11; thửa 28 tờ bản đồ số 15; thửa 21 tờ bản đồ số 18; thửa 38 tờ bản đồ số 12 và được xác nhận ngày 17/01/2000. Đến năm 2000, hộ bà Phạm Thị D1 được UBND huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00752 QSDĐ/TU ngày 31/01/2000, trong đó có thửa đất số 28 tờ bản đồ số 15, diện tích: 13.275m² đất cây lâu năm (CLN) do UBND xã H cho thuê.

Về nguyên nhân thu hồi Giấy chứng nhận: Ngày 22/10/2007, trên cơ sở đơn tố cáo của công dân, huyện ủy T4 ban hành Quyết định số 107-TB/HU về việc ý kiến kết luận và chỉ đạo của Ban Thường vụ huyện ủy về việc xử lý và khắc phục hậu quả các vi phạm của cấp ủy và cá nhân đảng viên vi phạm ở Đảng bộ xã Hội N. Qua đó huyện ủy Tân U chỉ đạo Chủ tịch UBND xã: *“Thu hồi đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 02 hộ Phạm Văn D2 và Phạm Thị D1 có nguồn gốc đất công cho thuê; đồng thời cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho 02 hộ này dưới dạng giao đất cho thuê”*.

Ngày 11/12/2012, trên cơ sở chỉ đạo tại Thông báo kết luận số 107-TB/HU ngày 22/10/2007 của huyện ủy T4, UBND xã Hội Nghĩa mời làm việc đối với ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1 để làm rõ một số nội dung liên quan đến thửa đất số 27, 28 tờ bản đồ số 15. Qua đó, ông D và bà D1 trình bày việc mua lại 02 thửa đất trên từ UBND xã H vào năm 1995 – 1996 và canh tác nông nghiệp, trồng cao su trên 02 thửa đất này. Tuy nhiên ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1 không cung cấp được giấy tờ chứng minh việc mua bán.

Ngày 28/01/2013, UBND tỉnh B ban hành Văn bản số 240/UBND-KTN về việc quản lý, sử dụng đất của UBND xã H, theo đó yêu cầu UBND huyện T và UBND xã H giải quyết dứt điểm việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 26.468m² cho 02 hộ Phạm Văn D2 (Phạm Đức D) và Phạm Thị D1. Trên cơ sở đó, sau khi tổ chức triển khai thực hiện, UBND thị xã T ban hành Thông báo kết luận số 157/TB-UBND ngày 14/02/2014, giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã tham mưu UBND thị xã thu hồi khu đất diện tích 26.468m² có nguồn gốc đất công và giao cho UBND xã Hội Nghĩa lập thủ tục đưa vào quản lý diện đất công và hướng dẫn hộ ông Phạm Văn D2 (Phạm Đức D) và hộ bà Phạm Thị D1 lập thủ tục thuê quyền sử dụng đất đối với khu đất trên.

Ngày 24/3/2014, UBND huyện (nay là thành phố) Tân Uyên ban hành Quyết định số 2486/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00752 QSDĐ/TU ngày 31/01/2000 cấp cho hộ bà Phạm Thị D1 và số 00574 QSDĐ/TU ngày 16/5/2000 cấp cho ông Phạm Văn D2 (Phạm Đức D) giao cho UBND xã H quản lý và lập thủ tục cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dưới hình thức thuê đất đối với hộ bà D1, ông D lý do: Giao đất không đúng thẩm quyền.

Ngày 09/5/2014, UBND xã đã phối hợp cùng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã thực hiện lập niêm yết, công khai và bàn giao Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND huyện T cho ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1 (*Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã T5 lập biên bản công bố và bàn giao Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND huyện T; UBND xã Hội Nghĩa lập biên bản niêm yết, công khai Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND huyện T*).

Ngày 21/5/2014, UBND xã (nay là phường) Hội N mời ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1 đến UBND xã để vận động ông D, bà D1 thực hiện Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND huyện T, kết quả ông

Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1 không đồng ý thực hiện theo nội dung Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND huyện T. Sau đó, ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1 thực hiện khiếu nại Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND thị xã T. Qua đó, UBND thị xã T ban hành Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 13/02/2015, nội dung bác đơn khiếu nại của ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1. Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã T5 mời làm việc công bố và bàn giao Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của UBND thị xã T cho ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1 (Biên bản ngày 05/3/2015 của phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã T5).

Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại của UBND thị xã T, ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1 tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh. Sau khi cơ quan Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T6 tiến hành kiểm tra xác minh, tổ chức đối thoại với ông D, bà D1 và đã có báo cáo về các nội dung trong đơn khiếu nại của ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1. Ngày 25/02/2016, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 426/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1 (lần 2) với nội dung: bác đơn khiếu nại của ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1 đối với Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của Chủ tịch UBND thị xã T; Công nhận Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của Chủ tịch UBND thị xã T về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1 là đúng quy định của pháp luật. Sau đó, ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1 không thực hiện quyền khởi kiện hành chính tại Tòa án đối với các Quyết định nêu trên.

Ngày 19/3/2018, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 691/QĐ-UBND về việc phê duyệt danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương, trong đó thửa đất số 27, 28 tờ bản đồ số 15 nằm trong danh mục quỹ đất do UBND xã (nay là phường) Hội Nghĩa quản lý.

Bên cạnh đó, UBND xã (nay là phường) Hội N đã có kiến nghị UBND huyện (nay là thành phố T) thực hiện đúng theo nội dung Thông báo kết luận số 107-TB/HU ngày 22/10/2007 của huyện ủy T4, xem xét thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 27, 28 tờ bản đồ số 15 đã cấp cho hộ ông Phạm Đức D và hộ bà Phạm Thị D1, đồng thời cấp lại dưới hình thức cho thuê (Báo cáo số 16/BC-UBND ngày 25/02/2013 về tình hình thực hiện Quyết định số 1106/QĐ-CT ngày 23/01/2002 của UBND tỉnh B và Thông báo kết luận số 107-TB/HU ngày 22/10/2007 của huyện ủy T4; Công văn số 76/UBND-KT ngày 04/6/2013 về việc thực hiện công văn số 240/UBND-KTN ngày 28/01/2013 của UBND tỉnh B).

Đến năm 2019, Chủ tịch UBND tỉnh đã thành lập Đoàn thanh tra công tác quản lý, sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý của UBND xã H và ngày 19/8/2019 Chủ tịch UBND tỉnh B đã ban hành Kết luận thanh tra số 166/KL-UBND về công tác quản lý, sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý của UBND xã Hội Nghĩa, thị xã T và việc triển khai thực hiện Quyết định số 1106/QĐ-CT ngày 23/01/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh. Theo đó, kết luận thanh tra yêu cầu

UBND thị xã T: “Tiếp tục tổ chức thực hiện việc thu hồi khu đất 26.468m² và thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00752 QSDĐ/TU ngày 31/01/2000 của bà Phạm Thị D1, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00574 QSDĐ/TU ngày 06/5/2000 của ông Phạm Văn D2; thiết lập quản lý quỹ đất công theo quy định pháp luật.” Đồng thời nêu rõ nội dung: “Điều chỉnh khoản 2 Điều 1 Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 25/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh (về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông D2 và bà D1) theo hướng giao UBND thị xã T sửa đổi Điều 2 Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND huyện T như sau: UBND xã Hội Nghĩa lập thủ tục bổ sung khu đất trên vào quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích và thiết lập quản lý theo quy định tại Điều 132 Luật Đất đai năm 2013. Trường hợp hộ ông Phạm Đức D và hộ bà Phạm Thị D1 có nhu cầu sản xuất nông nghiệp trên khu đất thì phải thực hiện cho thuê đất thông qua hình thức đấu giá, thời gian mỗi lần thuê không quá 05 năm.”

UBND phường H đã nhiều lần vận động thực hiện thu hồi đất và thu hồi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất tại thửa 27, 28 tờ bản đồ số 15 thuộc phường H đối với hộ ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1, tuy nhiên ông D và bà D1 vẫn không đồng ý thực hiện cũng như cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thực hiện chỉnh lý giảm 02 thửa đất trên ra khỏi giấy chứng nhận (do có nhiều thửa đất được cấp trên cùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00752 QSDĐ/TU của hộ bà Phạm Thị D1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00574 QSDĐ/TU của hộ ông Phạm Văn D2). Ngày 07/11/2019, UBND thị xã T ban hành Quyết định số 7340/QĐ-UBND về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00752 QSDĐ/TU của hộ bà Phạm Thị D1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00574 QSDĐ/TU của hộ ông Phạm Văn D2 (Phạm Đức D).

Để đảm bảo công tác quản lý đất công, đất công ích trên địa bàn trong thời gian chờ hướng dẫn, chỉ đạo của ngành cấp trên, UBND phường đã Báo cáo số 216/BC-UBND ngày 25/02/2021 về tình hình quản lý đất công, đất công ích trên địa bàn phường H, trong đó thể hiện thửa đất số 27 và thửa đất số 28 tờ bản đồ số 15 vào danh mục đất công đang quản lý và cũng đã được UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên phê duyệt danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý tại Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021.

Ngày 07/4/2021, UBND thị xã T ban hành Thông báo kết luận số 160/TB-UBND về ý kiến kết luận của ông Đoàn Hồng T2 - Chủ tịch UBND thị xã tại cuộc họp nghe báo cáo kết quả rà soát quỹ đất công, đất công ích. Qua đó, yêu cầu UBND phường H tiếp tục bàn giao đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 26.468m², về tài sản trên đất Nhà nước sẽ thực hiện bồi thường theo quy định. Trên cơ sở đó, ngày 18/6/2021 và ngày 27/10/2021, UBND phường H đã tiếp tục mời làm việc, vận động hộ ông Phạm Đức D và hộ bà Phạm Thị D1 bàn giao đất và bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00752 QSDĐ/TU ngày 31/01/2000 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00574 QSDĐ/TU ngày 16/5/2000. Tuy nhiên, hộ ông D và hộ bà D1 vẫn không

thống nhất. Qua đó, UBND phường đã có báo cáo kết quả vận động cho UBND thị xã T tại Báo cáo số 1520/BC-UBND ngày 02/12/2021. Sau đó, UBND phường cũng đã có Công văn số 294/UBND-KT ngày 22/8/2022 gửi Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã đề kiến nghị hỗ trợ kiểm đếm, định giá cây trồng cao su trên thửa đất số 27, 28 tờ bản đồ số 15 để làm cơ sở thực hiện thu hồi, bồi thường khi triển khai thực hiện các biện pháp hành chính theo quy định.

Ngoài ra, UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên đã xây dựng và ban hành Kế hoạch số 2730/KH-UBND ngày 10/8/2021 về việc giải quyết các thửa đất công, đất công ích có phát sinh khó khăn vướng mắc; đất do hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, tổ chức đang sử dụng; đất tranh chấp, đất lấn chiếm; đất diện 188 trên địa bàn thị xã T. UBND phường cũng đã thể hóa thành Kế hoạch số 1349/KH-UBND ngày 10/11/2021 về việc giải quyết các thửa đất công, đất công ích có phát sinh khó khăn vướng mắc; đất do hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, tổ chức đang sử dụng; đất tranh chấp trên địa bàn phường H. Trong đó, các kế hoạch trên đều có nội dung thu hồi các thửa đất công ích có tranh chấp với hộ ông Phạm Đức D và hộ bà Phạm Thị D1, thực hiện theo nội dung tại Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND thị xã T.

Đến năm 2023, sau khi rà soát một số nội dung theo quy định Luật Đất đai năm 2013 và Kết luận số 166/KL-UBND ngày 19/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh B, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 08/02/2023 về việc điều chỉnh Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 25/02/2016 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1, trong đó: Điều chỉnh khoản 2 Điều 1 Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 25/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1. Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã T5 đã mời làm việc công bố và bàn giao Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 08/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B cho ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1, qua đó ông D và bà D1 đều.

** Quá trình tố tụng, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B, ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị Hồng Đ, ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Tuyết M, bà Nguyễn Thị G, ông Phạm Đức T1, bà Phạm Thị Lan H1 trình bày:*

Ông Nguyễn Văn B, ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị Hồng Đ, ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Tuyết M, bà Nguyễn Thị G, ông Phạm Đức T1, bà Phạm Thị Lan H1 thống nhất với yêu cầu của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2025/HC-ST ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định:

Căn cứ vào các Điều 30, 32, 115, 116 khoản 1 Điều 158, Điều 164, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1 về việc yêu cầu hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND huyện (nay là thành phố) Tân Uyên về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00752 QSDĐ/TU ngày 31/01/2000 cho hộ bà Phạm Thị D1 và số 00574 QSDĐ/TU ngày 06/5/2000 cho ông Phạm Văn D2 (Phạm Đức D) giao UBND xã H quản lý và lập thủ tục thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dưới hình thức thuê đất cho hộ bà D1, ông D.

- Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của Chủ tịch UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Đức D và Phạm Thị D1 (lần đầu).

- Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 25/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết đơn của ông Phạm Đức D và Phạm Thị D1 khiếu nại Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của Chủ tịch UBND thị xã T (lần hai).

- Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 08/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc điều chỉnh Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 25/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Đức D và Phạm Thị D1.

- Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên về việc sửa đổi Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/03/2014 của UBND huyện T (nay là UBND thị xã T).

- Một phần Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên về việc phê duyệt danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương đối với thửa đất số 27, 28, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Quyết định số 5403/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND thành phố T về việc đính chính Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/03/2014 của UBND huyện T và Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của UBND thị xã T (nay là thành phố).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/4/2025, ông Phạm Đức D, bà Phạm Thị D1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 03/4/2025, các ông bà Nguyễn Thị Hồng Đ, Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn V, Phạm Văn H, Nguyễn Thị G, Phạm Thị Lan H1, Phạm Đức T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Lê Mã L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của đương sự và trình bày: Trong các quyết định hành chính của UBND huyện T có thiếu sót sau này mới có đính chính, và sự điều chỉnh cũng chưa đảm bảo theo quy định, chưa phù hợp. Phía UBND phường chưa cung cấp được bản vẽ, chưa cung cấp được biên bản bàn giao đất công, chưa cung cấp được hợp đồng thuê đất. Chúng tôi đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông D và bà D1, sửa bản án sơ thẩm, hủy các quyết định hành chính của các cấp theo yêu cầu kháng cáo của đương sự.

Luật sư Đoàn Trí P trình bày quan điểm bảo vệ cho người khởi kiện như sau: Về xác định người liên quan trong vụ án có thiếu sót đối với trường hợp ông Phạm Đức O là cha của ông Phạm Đức D là người đứng tên trên biên lai 4,5 triệu đồng, chưa đưa ông O vào tham gia tố tụng; bà Phạm Thị H3 là người đứng tên trên hộ khẩu, và một đương sự có liên quan; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm triệu tập để làm rõ. Chúng tôi yêu cầu xem xét làm rõ có hay không có hợp đồng thuê đất, có 02 biên lai thu tiền cần được làm rõ. Quá trình quản lý đất của xã, phường không có tài liệu nào để chứng minh; đất của ông D, bà D1 khai phá một phần và mua lại một phần có tài liệu chứng minh cần được xem xét. Quá trình thu hồi đất chưa đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, chưa xem xét đến quyền lợi của người có đất được nhà nước cấp giấy chứng nhận, chưa xem xét đến tài sản trên đất của người sử dụng đất. Đất được cấp cho hộ gia đình ông D và bà D1, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nhiều thửa nhưng thu hồi không thể hiện rõ các thửa còn lại như thế nào. Chúng tôi đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông D và bà D1, sửa bản án sơ thẩm, hủy các quyết định hành chính của các cấp theo yêu cầu kháng cáo của đương sự.

- Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là bà Lê Minh P1 trình bày: Các quyết định hành chính của UBND thành phố T là ban hành đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật, kết luận của Thanh tra là đúng quy định, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý, cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, người khởi kiện không xuất trình được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1, của các ông (bà) Nguyễn Thị Hồng Đ, Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn V, Phạm Văn H, Nguyễn Thị G, Phạm Thị Lan H1, Phạm Đức T1 là trong thời hạn, nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2]. Xét thấy, yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Đức D, bà Phạm Thị D1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông (bà) Nguyễn Thị Hồng Đ, Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn V, Phạm Văn H, Nguyễn Thị G, Phạm Thị Lan H1, Phạm Đức T1 có nội dung như nhau. Vì vậy, mặc dù các ông (bà) Nguyễn Thị Hồng Đ, Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn V, Phạm Văn H, Nguyễn Thị G, Phạm Thị Lan H1, Phạm Đức T1 vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, nhưng Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xem xét kháng cáo của các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định:

Về thẩm quyền và trình tự thủ tục: UBND huyện T ban hành Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/03/2014 về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00752 QSDĐ/TU ngày 31/01/2000 cho hộ bà Phạm Thị D1 và số 00574 QSDĐ/TU ngày 06/5/2000 cho ông Phạm Văn D2 (Phạm Đức D) giao UBND xã H quản lý và lập thủ tục thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dưới hình thức thuê đất cho hộ bà D1, ông D là đúng quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Đất đai năm 2003.

Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên về việc sửa đổi Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/03/2014 của UBND huyện T (nay là UBND thị xã T); Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên về việc phê duyệt danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương đối với thửa đất số 27, 28, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Quyết định số 5403/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND thành phố T về việc đính chính Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/03/2014 của UBND huyện T và Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của UBND thị xã T (nay là thành phố) là đúng quy định tại Luật Đất đai.

Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của Chủ tịch UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Đức D và Phạm Thị D1 (lần đầu); Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 25/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết đơn của ông Phạm Đức D và Phạm

Thị D1 khiếu nại Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của Chủ tịch UBND thị xã T (lần hai); Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 08/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc điều chỉnh Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 25/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Đức D và Phạm Thị D1 là đúng quy định của Luật tố cáo.

[2.2]. Về nội dung các Quyết định:

[2.2.1]. Về nguồn gốc đất:

Thửa đất số 27, 28, tờ bản đồ số 15 có tổng diện tích là 26.468m² có nguồn gốc là đất công do UBND xã H quản lý. UBND xã H giao cho Hội Cựu chiến binh xã Hội N sử dụng trồng cây điều. Do sử dụng không hiệu quả, UBND xã H đã cho ông Phạm Đức D thuê thửa đất số 27, bà Phạm Thị D1 thuê thửa đất số 28 để sản xuất nông nghiệp, được thể hiện tại biên lai thu tiền ngày 19/12/1996 do ông Phạm Đức D nộp, số tiền 4.500.000 đồng, lý do nộp: Tiền thuê đất nông nghiệp (bút lục số 234) và Biên lai thu tiền ngày 15/4/1996 do ông Nguyễn Văn B (chồng bà Phạm Thị D1) nộp, số tiền 4.500.000 đồng, lý do nộp: Tiền thuê đất (bút lục số 235).

Ngày 03/4/1998, ông Phạm Văn D2 có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 77 tờ bản đồ số 11, nguồn gốc sử dụng: cha mẹ cho; thửa 22 tờ bản đồ số 18, nguồn gốc khai hoang năm 1989; thửa 27 tờ bản đồ số 15, nguồn gốc khai hoang năm 1995. Ngày 16/5/2000, hộ ông Phạm Đức D được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00574 QSDĐ/TU đối với thửa đất số 77, 18, 27 (trong đó thửa đất số 27 có diện tích đất 13.193m²). Ngày 19/10/2005, được cập nhật tại trang 04 “*điều chỉnh là Phạm Đức D*”.

Ngày 02/4/1998, vợ chồng bà Phạm Thị D1, ông Nguyễn Văn B có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 79 tờ bản đồ số 11, nguồn gốc cha mẹ cho năm 1988; thửa 21 tờ bản đồ số 18, nguồn gốc khai hoang năm 1988; thửa 28 tờ bản đồ số 15 nguồn gốc khai hoang năm 1988; thửa 38 tờ bản đồ số 12, nguồn gốc sang nhượng năm 1994. Ngày 31/01/2000, hộ bà Phạm Thị D1 được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00752 QSDĐ/TU đối với các thửa đất số 38, 21, 28, 79 (trong đó thửa đất số 28 có diện tích 13.275m²).

[2.2.2]. Qua đơn tố cáo của công dân về vi phạm pháp luật về đất đai của UBND xã H. Ngày 22/10/2007, huyện ủy huyện T4 ban hành Thông báo số 107-TB/HU thông báo kết luận và chỉ đạo, có nội dung thu hồi đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 02 hộ Phạm Văn D2 và Phạm Thị D1 có nguồn gốc đất công cho thuê; đồng thời cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho 02 hộ này dưới dạng giao đất cho thuê.

Ngày 25/02/2013, UBND xã H có Báo cáo số 16/BC-UBND với nội dung kiến nghị UBND huyện T thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp lại dưới hình thức cho thuê đất. Ngày 07/3/2014, Phòng Tài nguyên và Môi trường

huyện T5 có Tờ trình số 650/TTr-PTN&MT về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00752 QSDĐ/TU ngày 31/01/2000 cho hộ bà Phạm Thị D1 và số 00574 QSDĐ/TU ngày 06/5/2000 cho ông Phạm Văn D2 (Phạm Đức D) giao UBND xã H quản lý và lập thủ tục thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dưới hình thức thuê đất cho hộ bà D1, ông D. Ngày 24/3/2014, UBND huyện T ban hành Quyết định số 2486/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00752 QSDĐ/TU ngày 31/01/2000 cho hộ bà Phạm Thị D1 và số 00574 QSDĐ/TU ngày 06/5/2000 cho ông Phạm Văn D2 (Phạm Đức D) giao UBND xã H quản lý và lập thủ tục thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dưới hình thức thuê đất cho hộ bà D1, ông D.

Ngày 09/5/2014, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T5 đã công bố và bàn giao Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 cho ông Phạm Đức D, bà Phạm Thị D1.

Không đồng ý với Quyết định số 2486/QĐ-UBND, ngày 28/5/2014 ông D, bà D1 đã có đơn khiếu nại gửi UBND huyện T.

Ngày 13/02/2015, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của Chủ tịch UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Đức D và Phạm Thị D1 (lần đầu), với nội dung: Giữ nguyên Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/3/2014.

Không đồng ý với Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 13/02/2015, ngày 20/4/2015, ông D, bà D1 có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND tỉnh B.

Ngày 25/02/2016, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 426/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn của ông Phạm Đức D và Phạm Thị D1 khiếu nại Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của Chủ tịch UBND thị xã T (lần hai), với nội dung: Bác đơn khiếu nại của ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1.

[2.2.3]. Ngày 30/9/2016, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND quyết định ban hành quy định về quản lý và sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Ngày 19/3/2018, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 691/QĐ-UBND về việc phê duyệt danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương, trong đó có thửa đất số 27, 28, tờ bản đồ số 15 do UBND xã H quản lý.

Ngày 25/02/2021, UBND phường H có Báo cáo số 216/BC-UBND về tình hình quản lý đất công, đất công ích trên địa bàn phường H, kèm theo phụ lục (trong đó có thửa 27, 28).

Ngày 30/6/2021, Phòng T5 (nay là thành phố) Tân Uyên có Tờ trình số 310/TTr-PTNMT về việc phê duyệt danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương trong đó có thửa đất số 27, 28, tờ bản đồ số 15.

Ngày 19/7/2021, UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên ban hành Quyết định số 2159/QĐ-UBND về việc phê duyệt danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương, trong đó có thửa đất số 27, 28, tờ bản đồ số 15.

Ngày 21/7/2021, UBND thành phố T đã công bố Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 trên công thông tin điện tử của UBND thành phố T.

Ngày 22/7/2021, UBND phường H đã lập Biên bản niêm yết công khai Quyết định số 2159/QĐ-UBND tại trụ sở UBND phường H.

Hồ sơ vụ án thể hiện, thửa đất số 27, 28, tờ bản đồ số 15 là đất công do UBND xã H quản lý, UBND xã H đã cho ông Phạm Đức D thuê thửa đất số 27, bà Phạm Thị D1 thuê thửa đất số 28 để sản xuất nông nghiệp, được thể hiện tại biên lai thu tiền ngày 19/12/1996 do ông Phạm Đức D nộp, số tiền 4.500.000 đồng, lý do nộp: Tiền thuê đất nông nghiệp (BL 234) và Biên lai thu tiền ngày 15/4/1996 do ông Nguyễn Văn B (chồng bà Phạm Thị D1) nộp, số tiền 4.500.000 đồng, lý do nộp: Tiền thuê đất (BL 235).

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện cho rằng thửa đất 27, 28 do ông D, bà D1 mua của UBND xã H (do ông Nguyễn Long N2 là Chủ tịch đứng ra bán) một phần vào năm 1995 và khai phá một phần, tuy nhiên ông D, bà D1 không cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình.

Quá trình giải quyết khiếu nại, tại các biên bản làm việc với cơ quan có thẩm quyền, ông D, bà D1 đều cho rằng thửa đất 27, 28 do ông D, bà D1 mua của UBND xã H, nhưng tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, ông D, bà D1 lại khai nguồn gốc đất do khai phá.

Do đó, Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/03/2014 do UBND huyện T ban hành đúng quy định. Do đó, các quyết định số Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của Chủ tịch UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Đức D và Phạm Thị D1 (lần đầu); Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 25/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết đơn của ông Phạm Đức D và Phạm Thị D1 khiếu nại Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của Chủ tịch UBND thị xã T (lần hai) và Quyết định số 7340/QĐ-UBND ngày 07/11/2019 của UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00752 QSDĐ/TU ngày 31/01/2000 của hộ bà Phạm Thị D1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00574 QSDĐ/TU ngày 16/5/2000 của hộ ông Phạm Văn D2 (Phạm Đức D), là đúng quy định.

[2.2.4]. Như vậy, Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/03/2014 của UBND huyện T (nay là UBND thị xã T) về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00752 QSDĐ/TU ngày 31/01/2000 cho hộ bà Phạm Thị D1 và số 00574 QSDĐ/TU ngày 06/5/2000 cho ông Phạm Văn D2 (Phạm Đức D) ban hành đúng quy định và các Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của Chủ tịch UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương về việc giải quyết

đơn khiếu nại của ông Phạm Đức D và Phạm Thị D1 (lần đầu); Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 25/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết đơn của ông Phạm Đức D và Phạm Thị D1 khiếu nại Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của Chủ tịch UBND thị xã T (lần hai) đúng quy định. Do đó, việc Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 08/02/2023, UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên ban hành Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 và Quyết định số 5403/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 không làm thay đổi bản chất Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/03/2014 là thu hồi đất, thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông D, bà D1 và không ảnh hưởng quyền, lợi ích của hộ ông D, bà D1.

Việc UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên ban hành Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 là đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Đức D, bà Phạm Thị D1 và các ông (bà) Nguyễn Thị Hồng Đ, Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn V, Phạm Văn H, Nguyễn Thị G, Phạm Thị Lan H1, Phạm Đức T1

[3]. Đề nghị Kiểm sát viên tại phiên tòa được chấp nhận.

[4]. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Phạm Đức D, bà Phạm Thị D1, các ông (bà) Nguyễn Thị Hồng Đ, Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn V, Phạm Văn H, Nguyễn Thị G, Phạm Thị Lan H1, Phạm Đức T1 phải chịu theo quy định. Tuy nhiên, ông Phạm Đức D là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính;

Điều 32, Điều 33, Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Đức D, bà Phạm Thị D1, của các ông bà Nguyễn Thị Hồng Đ, Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn V, Phạm Văn H, Nguyễn Thị G, Phạm Thị Lan H1, Phạm Đức T1.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2025/HC-ST ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Phạm Đức D và bà Phạm Thị D1 về việc yêu cầu hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND huyện (nay là thành phố) Tân Uyên về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00752 QSDĐ/TU ngày 31/01/2000 cho hộ bà Phạm Thị D1 và số 00574 QSDĐ/TU ngày 06/5/2000 cho ông Phạm Văn D2 (Phạm Đức D) giao UBND xã H quản lý và lập thủ tục thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dưới hình thức thuê đất cho hộ bà D1, ông D.

- Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của Chủ tịch UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Đức D và Phạm Thị D1 (lần đầu).

- Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 25/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết đơn của ông Phạm Đức D và Phạm Thị D1 khiếu nại Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của Chủ tịch UBND thị xã T (lần hai).

- Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 08/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc điều chỉnh Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 25/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Đức D và Phạm Thị D1.

- Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên về việc sửa đổi Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/03/2014 của UBND huyện T (nay là UBND thị xã T).

- Một phần Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên về việc phê duyệt danh mục quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương đối với thửa đất số 27, 28, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Quyết định số 5403/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND thành phố T về việc đính chính Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 24/03/2014 của UBND huyện T và Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của UBND thị xã T (nay là thành phố).

5. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phạm Đức D được miễn; các ông (bà) Phạm Thị D1, Nguyễn Thị Hồng Đ, Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn V, Phạm Văn H, Nguyễn Thị G, Phạm Thị Lan H1, Phạm Đức T1 mỗi đương sự phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, cụ thể như sau:

Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà Phạm Thị D1 đã nộp theo biên lai số 0003657 ngày 11/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh

Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh) thành án phí hành chính phúc thẩm (bà Phạm Thị D1 đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm);

Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà Nguyễn Thị Hồng Đ đã nộp theo biên lai số 0003658 ngày 11/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh) thành án phí hành chính phúc thẩm (bà Nguyễn Thị Hồng Đ đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm);

Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà Nguyễn Thị Tuyết M đã nộp theo biên lai số 0003659 ngày 11/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh) thành án phí hành chính phúc thẩm (bà Nguyễn Thị Tuyết M đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm);

Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Nguyễn Văn B đã nộp theo biên lai số 0003660 ngày 11/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh) thành án phí hành chính phúc thẩm (ông Nguyễn Văn B đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm);

Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Nguyễn Văn V đã nộp theo biên lai số 0003661 ngày 11/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh) thành án phí hành chính phúc thẩm (ông Nguyễn Văn V đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm);

Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Phạm Văn H đã nộp theo biên lai số 0003662 ngày 11/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh) thành án phí hành chính phúc thẩm (ông Phạm Văn H đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm);

Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà Nguyễn Thị G đã nộp theo biên lai số 0003663 ngày 11/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh) thành án phí hành chính phúc thẩm (bà Nguyễn Thị G đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm);

Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà Phạm Thị Lan H1 đã nộp theo biên lai số 0003664 ngày 11/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh) thành án phí hành chính phúc thẩm (bà Phạm Thị Lan H1 đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm);

Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Phạm Đức T1 đã nộp theo biên lai số 0003665 ngày 11/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh) thành án

phí hành chính phúc thẩm (ông Phạm Đức T1 đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCTVKSXXPT tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- Thi hành án DS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP (TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đạt